

Số: 287 /KH-UBND

Lào Cai, ngày 30 tháng 6 năm 2023

## KẾ HOẠCH

**Đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho các trường hợp hộ gia đình, cá nhân chưa đăng ký đất đai và trường hợp đã đăng ký đất đai nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 và Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Văn bản số 2317/BTNMT-CĐKDLTTĐĐ ngày 05/4/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường V/v tăng cường công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận trong tình hình hiện nay.*

Qua rà soát các hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của các huyện, thị xã, thành phố, còn khoảng 1.366.756 thửa đất do 65.373 hộ gia đình, cá nhân đang quản lý, sử dụng (trong đó: khoảng 554.135 thửa đất do 28.399 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng, đã thực hiện việc kê khai, đăng ký; khoảng 812.621 thửa đất do 36.974 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng, chưa thực hiện việc đăng ký đất đai).

Để hoàn thành công tác cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân, UBND tỉnh ban hành Kế hoạch đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất lần đầu cho các trường hợp hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lào Cai như sau:

### I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Thực hiện hoàn thành việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất (Giấy chứng nhận) lần đầu cho các thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận nhằm xác lập cơ sở pháp lý giữa Nhà nước và người sử dụng đất, giúp Nhà nước thực hiện tốt các biện pháp quản lý đối với đất đai, đồng thời để người sử dụng đất thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Đất đai và yên tâm đầu tư khai thác tốt tiềm năng đất đai.

2. Các địa phương phải tập trung triển khai công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận, thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận; đồng thời, phối hợp với các sở, ngành có liên quan giải quyết những trường hợp vướng mắc trong việc đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, đảm bảo đến hết năm 2025



hoàn thành cơ bản công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho tất cả các thửa đất của hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

## **II. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

### **1. Phạm vi thực hiện**

Thực hiện việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân chưa đăng ký đất đai và đã kê khai đăng ký đất đai mà chưa được cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

### **2. Đối tượng thực hiện**

a) Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Lào Cai, chưa đăng ký đất đai và đã kê khai đăng ký đất đai mà chưa được cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

b) Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Sở Tài nguyên và Môi trường; Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện, thị xã, thành phố; cán bộ địa chính các xã, phường, thị trấn; Văn phòng đăng ký đất đai và Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thị xã; các sở, ngành có liên quan.

## **III. THỜI GIAN, NỘI DUNG VÀ GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Thời gian thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận**

Thời gian thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho các trường hợp hộ gia đình, cá nhân chưa đăng ký đất đai, đã kê khai đăng ký đất đai mà chưa được cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh.

a) Năm 2023, thực hiện đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận khoảng 321.793 thửa đất của 15.988 hộ gia đình, cá nhân (*trong đó: 183.086 thửa đất của 9.048 hộ gia đình, cá nhân đã đăng ký đất đai nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận và 138.707 thửa đất của 6.940 hộ gia đình, cá nhân chưa đăng ký đất đai*).

b) Năm 2024, thực hiện đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận khoảng 403.943 thửa đất của 19.600 hộ gia đình, cá nhân (*trong đó: 185.701 thửa đất của 8.931 hộ gia đình, cá nhân đã đăng ký đất đai nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận và 218.242 thửa đất của 10.669 hộ gia đình, cá nhân chưa đăng ký đất đai*).

c) Năm 2025, thực hiện đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận khoảng 642.142 thửa đất của 29.785 hộ gia đình, cá nhân (*trong đó: 185.366 thửa đất của 10.420 hộ gia đình, cá nhân đã đăng ký đất đai nhưng chưa cấp Giấy chứng nhận và 456776 thửa đất của 19.365 hộ gia đình, cá nhân chưa đăng ký đất đai*).

(Chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo)

### **2. Nội dung thực hiện**

a) Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện tại các cấp xã, huyện.

b) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận.



c) Tuyên truyền, thông báo đến người sử dụng đất chưa thực hiện đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận thì thực hiện thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận lần đầu theo quy định.

d) Hướng dẫn người sử dụng đất đăng ký đất đai và nộp hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu theo quy định.

đ) Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

e) Tổng hợp báo cáo kết quả đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận.

### **3. Giải pháp thực hiện**

a) Cấp ủy, chính quyền các cấp, các ngành từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao nhận thức đối với công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận.

b) Cơ quan tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính, không gây phiền hà, sách nhiễu khi lập hồ sơ, thủ tục đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận; công khai trình tự, thủ tục và các loại phí, lệ phí cấp Giấy chứng nhận tại nơi tiếp nhận hồ sơ cấp Giấy chứng nhận. Xử lý nghiêm những cán bộ gây phiền hà, sách nhiễu trong quá trình lập hồ sơ, tiếp nhận hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận.

c) Hồ sơ mà người sử dụng đất đã kê khai, đăng ký đồng loạt thì Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thẩm tra, xét duyệt kịp thời; đối với hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đơn lẻ thì Ủy ban nhân dân cấp xã thẩm tra, niêm yết, đúng thời gian quy định.

d) Đối với hộ gia đình, cá nhân có nhiều thửa đất, thì thửa đất nào đủ điều kiện thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định và cấp Giấy chứng nhận; thửa đất nào chưa đủ điều kiện thì tiếp tục giải quyết và cấp Giấy chứng nhận khi đủ điều kiện theo quy định.

đ) Hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận đã thẩm định, thẩm tra đủ điều kiện xác nhận, thì trình cơ quan có thẩm quyền duyệt, thông báo người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính, người sử dụng đất hoàn thành nghĩa vụ tài chính thì ký Giấy chứng nhận QSD đất theo quy định.

e) Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tập trung nguồn lực, tăng cường cán bộ, đặc biệt là cán bộ địa chính cấp xã để đáp ứng yêu cầu công việc, đảm bảo hoàn thành theo kế hoạch đề ra.

## **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường**

a) Là cơ quan thường trực, có trách nhiệm tham mưu cho UBND tỉnh trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch; kiểm tra, hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc tiến độ thực hiện, kịp thời giải quyết khó khăn, vướng mắc theo thẩm quyền hoặc báo cáo, đề xuất cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết những nội dung vượt thẩm quyền.



b) Phối hợp với Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lào Cai tuyên truyền, phổ biến các chính sách pháp luật về đất đai và nội dung Kế hoạch này để người sử dụng đất nhận thức rõ việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận là quyền lợi của người sử dụng đất.

c) Chỉ đạo hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận.

d) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai phối hợp với các cơ quan chuyên môn của cấp huyện, cấp xã chuẩn bị các tài liệu, mẫu đơn, mẫu tờ khai và hướng dẫn các hộ gia đình, cá nhân thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

đ) Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh định kỳ kết quả thực hiện công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh.

**2. Cục Thuế tỉnh:** Chỉ đạo Chi cục Thuế trực thuộc có trách nhiệm tiếp nhận, xử lý hồ sơ và thông báo việc nghĩa vụ tài chính cho người thực hiện nghĩa vụ tài chính đúng thời gian quy định. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ theo quy định thì trả hồ sơ và nêu rõ lý do để Văn phòng đăng ký đất đai, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh sửa, bổ sung kịp thời.

### **3. Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, Báo Lào Cai**

Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện các chuyên mục tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về đất đai và nội dung Kế hoạch này để nâng cao nhận thức của Nhân dân về quyền lợi của người sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

### **4. UBND các huyện, thành phố, thị xã**

a) Xây dựng kế hoạch, lộ trình cụ thể để triển khai công tác đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận lần đầu cho hộ gia đình, cá nhân đảm bảo hiệu quả, phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

b) Chỉ đạo UBND cấp xã, phường thực hiện các nội dung như sau:

- Xây dựng kế hoạch cụ thể để triển khai thực hiện trên địa bàn cấp xã, phường bảo đảm đến hết năm 2025 thực hiện xong việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo Kế hoạch này trên địa bàn.

- Tập trung tuyên truyền phổ biến sâu rộng đến từng thôn, bản, khu phố để Nhân dân biết và thực hiện việc đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo quy định.

- Tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận theo trình tự, thủ tục quy định. Tổng hợp, phân loại, thống kê kết quả tiếp nhận và giải quyết hồ sơ đăng ký đất đai, cấp Giấy chứng nhận; kịp thời báo cáo UBND cấp huyện, thành phố và thị xã để chỉ đạo giải quyết khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện theo quy định.

Giấy chứng nhận trên địa bàn tỉnh. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, UBND các huyện, thị xã, thành phố báo cáo UBND tỉnh (thông qua Sở Tài nguyên và Môi trường) để xem xét, chỉ đạo giải quyết.

Kế hoạch này thay thế Kế hoạch số 138/KH-UBND ngày 14/3/2023 và có hiệu lực từ ngày ký. *Q*

**Nơi nhận:**

- TT. TU, HĐND, Đoàn ĐBQH, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành có liên quan;
- Báo Lào Cai; Đài PT-TH tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- CVP, PCVP3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT1 *Q*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
BHO CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Trọng Hải**



**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN LẦN ĐẦU CHO CÁC TRƯỜNG HỢP HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN ĐÃ KÊ KHAI, ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**


*(Kèm theo Kế hoạch số: 287/KH-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

**Phụ lục 01**

STT	Huyện, thị xã, thành phố	Hộ gia đình, cá nhân	Chi tiết từng loại đất							
			Đất sản xuất nông		Đất lâm nghiệp		Đất ở		Các loại đất khác	
			Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)
<b>I</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>9.048</b>	<b>176.393</b>	<b>4.127,716</b>	<b>503</b>	<b>371,616</b>	<b>5.209</b>	<b>192,401</b>	<b>981</b>	<b>290,360</b>
1	Bắc Hà	1.289	15.741	554,646	40	2,586	797	52,221	9	0,250
2	Bảo Thắng	904	2.324	122,580	204	132,600	686	23,640	934	247,560
3	Bảo Yên	549	81	8,090	74	110,200	434	8,700	0	0,000
4	Bát Xát	1.137	33.931	1.295,310	67	37,020	447	13,380	0	0
5	Mường Khương	653	10.346	290,150	0	0	378	9,020	0	0
6	Lào Cai	915	1.859	37,440	96	35,210	424	5,040	1	0,060
7	Sa Pa	2.423	101.775	1.358,400	0	0	1.260	44,000	0	0
8	Si Ma Cai	548	7.390	289,000	0	0	527	29,300	0	0
9	Văn Bàn	630	2.946	172,100	22	54,000	256	7,100	37	42,489
<b>II</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>8.931</b>	<b>179.553</b>	<b>4.829,057</b>	<b>860</b>	<b>277,136</b>	<b>4.901</b>	<b>179,685</b>	<b>387</b>	<b>81,751</b>
1	Bắc Hà	1.277	18.914	724,877	39	2,696	628	41,513	5	0,140
2	Bảo Thắng	715	1.536	147,750	617	104,870	628	18,910	368	77,990
3	Bảo Yên	550	81	8,030	74	110,500	434	8,720	0	0,000
4	Bát Xát	1.167	45.616	1.365,450	34	23,870	530	17,750	0	0
5	Mường Khương	1.000	16.768	800,000	0	0,000	490	15,000	0	0
6	Lào Cai	913	1.999	37,440	96	35,200	424	5,030	0	0
7	Sa Pa	2.411	85.264	1.383,000	0	0	1.115	38,600	0	0
8	Si Ma Cai	548	7.390	289,000	0	0	527	29,300	0	0
9	Văn Bàn	350	1.985	73,510	0	0	125	4,862	14	3,621
<b>III</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>10.420</b>	<b>175.713</b>	<b>4.594,084</b>	<b>1.475</b>	<b>2.214,530</b>	<b>5.080</b>	<b>170,484</b>	<b>3.098</b>	<b>307,640</b>

9





	thành phố	thị trấn, xã, thôn, bản	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)
1	Bắc Hà	1.422	22.614	838,804	31	20,670	694	31,280	18	2,060
2	Bảo Thắng	2.249	3.063	415,840	1.147	1.933,800	952	34,460	3.069	302,570
3	Bảo Yên	557	84	8,040	72	110,300	430	8,520	0	0,000
4	Bát Xát	862	45.709	883,910	83	104,170	460	14,450	0	0
5	Mường Khương	1.447	19.131	882,000	0	0	498	15,450	0	0
6	Lào Cai	1.138	2.037	40,140	142	45,590	526	6,220	0	0
7	Sa Pa	1.775	71.629	1.089,000	0	0	896	27,400	0	0
8	Si Ma Cai	551	7.394	296,000	0	0	533	29,700	0	0
9	Văn Bàn	419	4.052	140,350	0	0	91	3,004	11	3,010
	<b>Tổng</b>	<b>28.399</b>	<b>531.659</b>	<b>13.550,856</b>	<b>2.838</b>	<b>2.863,282</b>	<b>15.190</b>	<b>542,569</b>	<b>4.466</b>	<b>679,750</b>

02



**BIỂU TỔNG HỢP KẾ HOẠCH ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI LẦN ĐẦU CHO CÁC TRƯỜNG HỢP HỘ GIA ĐÌNH, CÁ NHÂN CHƯA ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI**

(Kèm theo Kế hoạch số: *287* /KH-UBND ngày *30* tháng *6* năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)


*Phụ lục 02*



STT	Huyện, thị xã, thành phố	Hộ gia đình, cá nhân	Chi tiết từng loại đất							
			Đất sản xuất nông nghiệp		Đất lâm nghiệp		Đất ở		Các loại đất khác	
			Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)
<b>I</b>	<b>Năm 2023</b>	<b>6.940</b>	<b>131.942</b>	<b>3.055,36</b>	<b>1.114</b>	<b>1.113,70</b>	<b>4.794</b>	<b>186,08</b>	<b>857</b>	<b>357,76</b>
1	Bắc Hà	1.492	16.061	774,00	14	7,00	842	20,00	0	0,00
2	Bảo Thắng	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Bảo Yên	311	630	49,00	222	246,00	157	4,00	115	15,00
4	Bát Xát	837	17.438	503,90	145	136,50	352	10,30	354	37,00
5	Mường Khương	445	0	0,00	0	0,00	445	5,81	0	0,00
6	Lào Cai	105	28	5,34	52	58,20	38	0,81	13	1,96
7	Sa Pa	2.927	94.953	1.601,00	671	656,00	2.654	119,00	375	125,00
8	Si Ma Cai	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Văn Bàn	823	2.832	122,12	10	10,00	306	26,16	0	178,80
<b>II</b>	<b>Năm 2024</b>	<b>10.669</b>	<b>205.728</b>	<b>5.166,96</b>	<b>1.803</b>	<b>1.569,07</b>	<b>7.738</b>	<b>241,54</b>	<b>2.973</b>	<b>294,69</b>
1	Bắc Hà	2.239	24.092	1.161,00	22	11,00	1.264	29,00	0	0,00
2	Bảo Thắng	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
3	Bảo Yên	521	970	66,00	311	336,00	307	8,00	320	35,00
4	Bát Xát	2.574	44.380	1.609,20	424	374,00	1.616	51,60	740	80,00
5	Mường Khương	590	0	0,00	0	0,00	590	7,70	0	0,00
6	Lào Cai	170	20	2,13	49	47,37	111	3,55	15	2,69
7	Sa Pa	3.917	133.866	2.240,00	934	790,00	3.542	133,00	1.898	177,00
8	Si Ma Cai	0	0	0,00	0	0,00	0	0,00	0	0,00
9	Văn Bàn	658	2.400	88,63	63	10,70	308	8,69	0	0,00
<b>III</b>	<b>Năm 2025</b>	<b>19.365</b>	<b>430.645</b>	<b>11.991,76</b>	<b>4.272</b>	<b>16.844,27</b>	<b>13.148</b>	<b>435,25</b>	<b>8.711</b>	<b>742,68</b>

*2*





	thành phố	nhân	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)	Số thửa	Diện tích (ha)
1	Bắc Hà	746	8.031	387,00	7	4,00	421	10,00	0	0,00
2	Bảo Thắng	1.679	3.268	387,01	1.113	1.932,22	715	28,19	2.941	293,65
3	Bảo Yên	658	1.008	72,00	278	366,00	383	9,00	315	26,00
4	Bát Xát	8.874	228.143	6.218,00	1.771	1.053,00	5.906	163,00	2.154	220,00
5	Mường Khương	866	0	0,00	0	0,00	866	11,30	0	0,00
6	Lào Cai	119	21	3,38	50	49,05	55	1,73	15	2,03
7	Sa Pa	4.100	138.570	2.125,00	1.053	13.440,00	3.597	141,00	3.286	201,00
8	Si Ma Cai	1.890	49.075	2.715,00	0	0,00	1.051	66,34	0	0,00
9	Văn Bàn	433	2.529	84,37	0	0,00	154	4,69	0	0,00
	<b>Tổng</b>	<b>36.974</b>	<b>768.315</b>	<b>20.214,08</b>	<b>7.189</b>	<b>19.527,04</b>	<b>25.680</b>	<b>862,87</b>	<b>12.541</b>	<b>1.395,13</b>

2